

- Quyết định 243/2005/QĐ-TTg ngày 05/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 46-NQ/TW.

- Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

- Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế Bệnh viện.

- Thông tư 08/2007/TTLT-BYT-BNV ngày 05/6/2007 Hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở y tế Nhà nước.

- Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25 tháng 8 năm 2005 của Bộ Y tế hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế.

- Quyết định số 2565/QĐ-BYT ngày 17/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch hành động vì sự sống còn trẻ em giai đoạn 2009-2015.

- Thông báo số 358/TB-BYT ngày 05 tháng 5 năm 2010 của Bộ Y tế về việc kết luận của Thứ trưởng Bộ Y tế Nguyễn Thị Xuyên tại Hội nghị Giao ban chuyên ngành Nhi khoa tháng 4/2010.

## 2.2. Các văn bản của tỉnh Phú Thọ

- Quyết định số 3381/2005/QĐ-UBND ngày 13/12/2005 của UBND tỉnh Phú Thọ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TU ngày 23/2/2005 của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

- Quyết định số 3409/QĐ-UBND ngày 24/11/2008 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống y tế tỉnh Phú Thọ đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.

- Nghị quyết số 76/2006/NQ-HĐND ngày 31/7/2006 của HĐND tỉnh Phú Thọ khoá XVI, kỳ họp thứ 8 thông qua Kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2006-2010.

- Kế hoạch số 1068/KH-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ về Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2006-2010.

- Văn bản số 1512/UBND-VX5 ngày 13/5/2010 của UBND tỉnh về chủ trương đầu tư xây dựng Bệnh viện Phụ Sản và xây dựng Đề án thành lập mới Bệnh viện Mắt và Bệnh viện Nhi tại thành phố Việt Trì.

## Phần thứ nhất

### MỤC TIÊU, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ TỔ CHỨC CỦA BỆNH VIỆN NHI TỈNH PHÚ THỌ

#### 1. Tên hiệu

Tên tiếng Việt: *Bệnh viện Nhi tỉnh Phú Thọ*

## **2. Mục tiêu**

### **2.1. Mục tiêu chung**

Thành lập và đầu tư xây dựng Bệnh viện Nhi Phú Thọ đạt tiêu chuẩn bệnh viện chuyên khoa hạng II, có quy mô 200 giường bệnh. Bệnh viện Nhi Phú Thọ đảm bảo khám chữa bệnh tại chỗ với chất lượng cao cho đối tượng trẻ em trên địa bàn tỉnh và trong khu vực. Bệnh viện có khả năng giải quyết cơ bản những bệnh tật trong lĩnh vực Nhi khoa, góp phần giảm sự quá tải cho các bệnh viện tuyến Trung ương. Đồng thời bệnh viện Nhi Phú Thọ là cơ sở bồi dưỡng, đào tạo và thực hành về lĩnh vực Nhi khoa cho các trường đại học, cao đẳng y, dược trong tỉnh và khu vực. Xây dựng và phát triển bệnh viện Nhi Phú Thọ đạt tiêu chuẩn bệnh viện chuyên khoa hạng I, hiện đại với các chuyên khoa sâu, có quy mô 300 giường bệnh vào năm 2020.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

#### **2.2.1. Giai đoạn 1: từ 2010 đến 2015**

- Hoàn thiện tổ chức bộ máy, đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của Bệnh viện chuyên khoa Nhi hạng II quy mô 200 giường bệnh.
- Hoàn thành cơ bản xây dựng cơ sở hạ tầng và lắp đặt trang thiết bị của bệnh viện chuyên khoa Nhi Phú Thọ hạng II theo hướng hiện đại và đồng bộ.

#### **2.2.2. Giai đoạn 2: từ 2016 đến 2020**

- Mở rộng quy mô bệnh viện lên 300 giường bệnh.
- Xây dựng và phát triển thành bệnh viện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng I, hiện đại với các chuyên ngành sâu, có kỹ thuật cao trong khu vực.

## **3. Chức năng, nhiệm vụ của bệnh viện**

### **3.1. Chức năng**

- Bệnh viện Nhi Phú Thọ là tuyến chuyên môn cao nhất về khám chữa bệnh trong lĩnh vực chuyên khoa Nhi của tỉnh Phú Thọ.
- Bệnh viện Nhi Phú Thọ là bệnh viện công lập, có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Thọ, chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Sở Y tế, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Y tế, của Bệnh viện Nhi Trung ương.

### **3.2. Nhiệm vụ**

#### **3.2.1. Cấp cứu - khám bệnh - chữa bệnh**

- Tiếp nhận mọi trường hợp người bệnh, khách hàng thuộc phạm vi chuyên khoa của Bệnh viện để khám bệnh, điều trị nội trú, ngoại trú.
- Giải quyết các bệnh thuộc chuyên khoa theo phân tuyến kỹ thuật của Bộ Y tế.

- Tham gia khám giám định sức khỏe, giám định pháp y khi được Trung tâm Giám định sức khỏe tỉnh đề nghị hoặc cơ quan bảo vệ pháp luật trung cầu.

### 3.2.2. Đào tạo cán bộ y tế

- Bệnh viện là cơ sở thực hành để đào tạo cán bộ y tế chuyên khoa của Trường Cao đẳng y tế Phú Thọ, các trường Đại học Y khoa trong khu vực, đồng thời tham gia giảng dạy chuyên khoa ở bậc trung học và cao đẳng.

- Tổ chức đào tạo lại, đào tạo liên tục các thành viên trong bệnh viện và tuyển dưới để nâng cao năng lực, trình độ chuyên khoa.

### 3.2.3. Nghiên cứu khoa học

Tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu về y học và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực nhi khoa ở cấp Bộ, cấp Tỉnh, cấp Cơ sở. Kết hợp với các Bệnh viện chuyên khoa đầu ngành để phát triển công nghệ, kỹ thuật.

### 3.2.4 Chỉ đạo tuyển về chuyên môn kỹ thuật

- Lập kế hoạch và chỉ đạo hoạt động chuyên khoa ở tuyến dưới và những tổ chức, cá nhân hành nghề tư nhân về Nhi khoa trên địa bàn tỉnh để phát triển và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh chuyên khoa, phòng chống tai biến Nhi khoa.

- Kết hợp y tế cơ sở thực hiện chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu và các chương trình hoạt động chuyên khoa tại cộng đồng.

### 3.2.5. Phòng bệnh

- Phối hợp với các đơn vị y tế liên quan thực hiện thường xuyên công tác phòng bệnh, phòng dịch, truyền thông, giáo dục sức khỏe nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi cho cộng đồng trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe.

- Thực hiện các chương trình, dự án y tế quốc gia liên quan đến lĩnh vực Nhi khoa.

### 3.2.6 Hợp tác quốc tế

Hợp tác với các tổ chức hoặc cá nhân ngoài nước theo các quy định của Nhà nước.

### 3.2.7. Quản lý kinh tế

Thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước về thu chi ngân sách của bệnh viện. Sử dụng nguồn ngân sách nhà nước cấp và các nguồn vốn khác có hiệu quả.

## **4. Tổ chức bộ máy bệnh viện**

### 4.1. Giai đoạn 1: từ năm 2010 đến 2015

Hình thành bộ máy quản lý năm 2010 để thực hiện các hoạt động xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị; đồng thời định hướng đào tạo, chuẩn bị nhân lực cho các khoa từng bước đưa bệnh viện vào hoạt động, đảm bảo Bệnh viện đi vào hoạt động với đầy đủ chuyên khoa với qui mô 200 giường bệnh. Đến năm 2015, tổ chức bộ máy Bệnh viện như sau:

#### 4.1.1. Bộ máy quản lý và các khoa phòng chức năng

Căn cứ Quy chế Bệnh viện ban hành kèm theo Quyết định số 1895/1997/BYT-QĐ, ngày 19/9/1997 của Bộ Y tế; Căn cứ nhu cầu thực tế về khám chữa bệnh và quy mô giường bệnh cơ cấu bộ máy quản lý của Bệnh viện Nhi Phú Thọ gồm:

4.1.1.1. Lãnh đạo bệnh viện: Giám đốc và các Phó Giám đốc.

4.1.1.2. Các phòng chức năng: gồm 5 phòng

- Phòng Kế hoạch tổng hợp
- Phòng Tổ chức cán bộ
- Phòng Tài chính - Kế toán
- Phòng Hành chính quản trị
- Phòng Chỉ đạo tuyến, Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế

4.1.1.3. Các khoa, phòng chuyên môn của bệnh viện:

a) Các khoa lâm sàng: gồm 16 khoa, với 300 giường bệnh

- Khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú
- Khoa Hồi sức cấp cứu: 10 giường bệnh
- Khoa Sơ sinh : 10 giường bệnh
- Khoa nội Tiêu hóa: 20 giường bệnh
- Khoa nội Hô hấp: 20 giường bệnh
- Khoa Truyền nhiễm - Da liễu: 20 giường bệnh
- Khoa nội Thần kinh - Tâm thần: 20 giường bệnh
- Khoa Thận - Máu - U bướu - Nội tiết - Chuyển hóa: 30 giường bệnh
- Khoa Y học cổ truyền, VLTL - PHCN: 20 giường bệnh
- Khoa Tim mạch - Lồng ngực: 30 giường bệnh
- Khoa Ngoại tổng hợp: 20 giường bệnh
- Khoa Ngoại chấn thương - Chỉnh hình: 20 giường bệnh
- Khoa Ngoại Thận - Tiết niệu: 20 giường bệnh
- Khoa Ngoại Tiêu hoá: 20 giường bệnh
- Khoa Ngoại Hô hấp: 20 giường bệnh
- Khoa liên chuyên khoa (Mắt - TMH - RHM) 20 giường bệnh

b) Các khoa cận lâm sàng:

- Khoa Xét nghiệm hoá sinh, vi sinh, huyết học - truyền máu
- Khoa Chẩn đoán hình ảnh
- Khoa Thăm dò chức năng
- Khoa Giải phẫu bệnh
- Khoa Chống nhiễm khuẩn

- Khoa Dược
- Khoa Dinh dưỡng

#### 4.2. Giai đoạn 2

Sau năm 2015, tổ chức bộ máy của bệnh viện sẽ được tính toán, xây dựng phù hợp với quy mô 300 giường bệnh và các điều kiện, yêu cầu thực tế tại giai đoạn đó.

*Chức năng, nhiệm vụ của các khoa, phòng vận dụng theo Quy chế Bệnh viện ban hành kèm theo Quyết định số 1895/1997/BYT-QĐ, ngày 19/9/1997 của Bộ Y tế.*

### 5. Biên chế và cơ cấu cán bộ của bệnh viện

#### 5.1. Giai đoạn 1: từ 2010 đến 2015

##### 5.1.1. Chỉ tiêu biên chế và cơ cấu cán bộ

Thực hiện theo Thông tư liên tịch 08/2007/TTLT-BYT-BNV ngày 05/6/2007 của liên Bộ Y tế - Nội vụ hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở y tế Nhà nước. Cụ thể như sau:

##### 5.1.1.1. Chỉ tiêu biên chế

Định mức lao động: 0,9 đến 1,0 người/giường bệnh (Áp dụng đối với bệnh viện chuyên khoa hạng II). Chỉ tiêu biên chế cho Bệnh viện Nhi tỉnh với quy mô 200 giường bệnh là 200 người.

##### 5.1.1.2. Cơ cấu cán bộ

a) Tỷ lệ bố trí lao động cho các khối:

Lâm sàng:	65 %	130 biên chế
Cận lâm sàng và dược:	15 %	30 biên chế
Quản lý, hành chính:	20 %	40 biên chế

b) Tỷ lệ theo chuyên môn:

- *Bộ máy quản lý*: 40 người (20% tổng biên chế). Trong đó:

+ Lãnh đạo bệnh viện: 03 bác sỹ. Gồm 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

+ Phòng Kế hoạch tổng hợp: 02 bác sỹ, 04 điều dưỡng viên, 06 KTV

+ Phòng Hành chính, quản trị và tổ chức cán bộ: 04 người (Riêng lái xe, bảo vệ thực hiện chế độ lao động hợp đồng).

+ Phòng Tài chính kế toán: 08 người. Gồm: 01 kế toán trưởng, 02 kế toán viên, 03 kế toán viên phí, 01 thủ kho, 01 thủ quỹ.

+ Phòng Chỉ đạo tuyến, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế: 03 bác sỹ, 05 Điều dưỡng, 05 KTV.

- *Khối lâm sàng, cận lâm sàng*: 160 người (80% tổng biên chế). Trong đó:

+ Bác sỹ: 32 (20%)

+ Điều dưỡng viên: 80 (50%)

- + Kỹ thuật viên: 20 (12,5%)
- + Dược sỹ: 12 (7,5% - 03 DS đại học và 9 DS trung học)
- + Hộ lý: 16 (10%)

c) Cơ cấu nhân lực của toàn bệnh viện:

Bác sỹ: 40; Điều dưỡng viên Đại học, cao đẳng và trung học: 89; Dược sỹ đại học: 03; Dược sỹ trung học: 9; Kỹ thuật viên y: 31; Cán bộ tài chính kế toán và đối tượng khác (tổ chức, hành chính...):26; Hộ lý 12: . Tổng số: 200 biên chế.

5.1.2. Phương án về đội ngũ cán bộ

Nguồn nhân lực nòng cốt là khoa Nhi - Bệnh viện đa khoa tỉnh, đồng thời sẽ sắp xếp, điều động một số cán bộ, viên chức từ mạng lưới chuyên khoa Nhi của các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh, huyện để thành lập bệnh viện Nhi.

Tiếp tục tuyển mới một số bác sỹ trẻ, có năng lực để cử đi đào tạo chuyên sâu tại tuyến Trung ương.

5.2. Giai đoạn 2: từ 2016 đến 2020

Sau năm 2015, tổ chức nhân sự của bệnh viện sẽ được tính toán, xây dựng phù hợp với Bệnh viện chuyên khoa hạng I, với quy mô 300 giường bệnh theo quy định của nhà nước.

## Phần thứ hai

### ĐỊA ĐIỂM, QUY MÔ, NGUỒN VỐN VÀ TIẾN ĐỘ ĐẦU TƯ

#### 1. Địa điểm xây dựng bệnh viện

Bệnh viện Nhi được xây dựng tại khu Đồng Đông xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì. Nằm trong tổng thể khu đất 306.586,6 m<sup>2</sup> theo Quyết định số 1898/QĐ-UBND ngày 10/7/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận địa điểm cho Sở Y tế lập dự án xây dựng Bệnh viện đa khoa vùng tại xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì và Văn bản số 1512/UBND-VX5 ngày 13/5/2010 của UBND tỉnh về chủ trương đầu tư xây dựng Bệnh viện Phụ Sản và xây dựng Đề án thành lập mới Bệnh viện Mắt và Bệnh viện Nhi tại thành phố Việt Trì.

#### 2. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng

##### 2.1. Giai đoạn 1

##### 2.1.1. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng

##### 2.1.1.1. Yêu cầu về diện tích đất đai và diện tích sàn

Diện tích đất xây dựng Bệnh viện Nhi: 52.000 m<sup>2</sup>. Đảm bảo đủ cho Bệnh viện có quy mô 200 giường bệnh và dự phòng cho tăng quy mô trong tương lai (bình quân từ 60 m<sup>2</sup> - 100 m<sup>2</sup>/giường bệnh).

##### 2.1.1.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng, bao gồm:

- Diện tích sàn xây dựng công trình chính: 32.355 m<sup>2</sup>, bao gồm các khu nhà khám bệnh, khu cận lâm sàng và khu điều trị, câu lạc bộ y bác sỹ - CBCNV, Khu nhà chuyên gia, Khu bán trú cho người nhà bệnh nhân, Nhà tang lễ.

- Diện tích sàn xây dựng các công trình phụ trợ: 4.331 m<sup>2</sup>. Bao gồm: nhà xe, gara, kho, các trạm phụ trợ và đầu mối HTKT, khu làm việc của các tổ bảo trì/tạp dịch, xưởng sửa chữa VTTB, nhà hành lang cầu, nhà thường trực.

- Hệ thống cấp điện.
- Hệ thống cấp nước.
- Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải y tế.
- Hệ thống thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt và rác thải y tế.
- Hệ thống thoát nước.
- Hệ thống thông tin liên lạc.
- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy.
- Tường rào bảo vệ và các công trình phụ trợ khác.

#### 2.1.2. Đầu tư cung cấp phương tiện, trang thiết bị

Phương tiện, trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Nhi tỉnh được rà soát, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên căn cứ Quyết định số 437/BYT-QĐ ngày 20/2/2002 của Bộ Y tế ban hành danh mục trang thiết bị y tế; căn cứ phân cấp kỹ thuật Bệnh viện hạng II.

2.1.3. Tổng mức đầu tư: dự kiến 530 tỷ đồng. Trong đó:

##### 2.1.3.1. Giá trị xây dựng cơ sở hạ tầng

- Chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng: dự kiến 15 tỷ đồng.

- Xây dựng các khu nhà khám bệnh, khu cận lâm sàng và khu điều trị. Diện tích xây dựng: 32.355 m<sup>2</sup> sàn. Kinh phí đầu tư ước tính: 260 tỷ đồng.

- Xây dựng và lắp đặt hệ thống cung cấp điện, nước, thông tin liên lạc: 10 tỷ đồng.

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải bệnh viện: 20 tỷ đồng (gồm cả mua sắm và lắp đặt thiết bị xử lý).

- Xây dựng hệ thống xử lý rác thải bệnh viện: 15 tỷ đồng (gồm cả mua sắm và lắp đặt thiết bị xử lý).

- Xây dựng các công trình phụ trợ (tường rào, sân vườn, nhà xe nhân viên, nhà tang lễ...): 20 tỷ đồng.

Tổng số phần xây lắp: 340 tỷ đồng.

2.1.3.2. Giá trị trang thiết bị: 180 tỷ đồng.

2.1.3.3. Chi phí khác: 10 tỷ đồng.

#### 2.2. Giai đoạn 2